

Số: 1689398

|                                                | Mazda2 1.5L AT                               | Kia Morning MT     |
|------------------------------------------------|----------------------------------------------|--------------------|
| Listed price:                                  | 418.000.000đ                                 | 349.000.000đ       |
| KÍCH THƯỚC - KHỐI LƯỢNG:                       |                                              |                    |
| Overall size (mm)                              | 4355 x 1695 x 1470                           | 3595 x 1595 x 1495 |
| The standard long (mm)                         | 2570                                         | 2400               |
| Bán kính quay vòng tối thiểu (mm)              | 5000                                         | 4700               |
| Ground clearance (mm)                          | 140                                          | 151                |
| Khối lượng không tải (kg)                      | 1109                                         | 960                |
| Khối lượng toàn tải (kg)                       | 1528                                         | 1370               |
| Thể tích khoang hành lý (L)                    | 440                                          | 255                |
| Dung tích thùng nhiên liệu (L)                 | 44                                           | 35                 |
| Number of seats                                | 5                                            | 5                  |
| Nguồn gốc                                      | Nhập Khẩu                                    | SX-LR trong nước   |
| DẪN ĐỘNG - KHUNG GẮM:                          |                                              |                    |
| Loại động cơ                                   | Skyactiv-G 1.5L                              | Xăng, Kappa 1.25L  |
| Dung tích xi lanh (cc)                         | 1496                                         | 1248               |
| Maximum power (hp @ rpm)                       | 110 / 6000                                   | 83 / 6000          |
| Mômen xoắn cực đại (Nm @ rpm)                  | 144 / 4000                                   | 122 / 4000         |
| Gear                                           | 6AT                                          | 5MT                |
| Hệ thống dẫn động                              | Cầu trước (FWD)                              | Cầu trước (FWD)    |
| Hệ thống treo trước                            | Độc lập McPherson                            | Mc Pherson         |
| Rear suspension                                | Thanh xoắn                                   | Thanh xoắn         |
| Hệ thống phanh trước                           | Đĩa                                          | Đĩa                |
| Hệ thống phanh sau                             | Đĩa                                          | Tang trống         |
| Thông số lốp xe                                | 185/65 R15                                   | 185/55 R15         |
| Tiêu thụ nhiên liệu đô thị (L/100km)           | 7.91                                         | 7.49               |
| Tiêu thụ nhiên liệu ngoài đô thị (L/100km)     | 5.07                                         | 4.39               |
| Tiêu thụ nhiên liệu hỗn hợp (L/100km)          | 6.11                                         | 5.54               |
| Hệ thống dừng/Khởi động động cơ thông minh     | -                                            |                    |
| Chế độ lái                                     | Normal/Sport                                 |                    |
| Chế độ địa hình                                | -                                            |                    |
| Trang bị khác                                  | Hệ thống kiểm soát gia tốc nâng cao GVC Plus |                    |
| NGOẠI THẤT:                                    |                                              |                    |
| Cụm đèn trước                                  | LED                                          | Halogen            |
| Đèn trước tự động bật/tắt                      | -                                            |                    |
| Đèn trước tự động chiếu xa/chiếu gần           | -                                            |                    |
| Đèn trước chức năng tự động cân bằng góc chiếu | ●                                            |                    |
| Đèn trước mở rộng góc chiếu                    | -                                            |                    |
| Đèn ban ngày LED                               | Halogen                                      |                    |
| Đèn sương mù                                   | -                                            | Halogen            |
| Cụm đèn sau                                    | Halogen                                      | Halogen            |
| Gương chiếu hậu chỉnh điện, gập điện           | Chỉnh điện                                   | Chỉnh điện         |
| Gạt mưa tự động                                | -                                            |                    |
| Cửa sổ trời                                    | -                                            |                    |

## NỘI THẤT - TIỆN NGHI:

|                                      |                  |              |
|--------------------------------------|------------------|--------------|
| Vô lăng bọc da                       | -                | Nhựa         |
| Chất liệu ghế                        | Nỉ               | Da           |
| Ghế người lái chỉnh cơ               | ●                | ●            |
| Ghế người lái chỉnh điện             | -                |              |
| Ghế người lái có nhớ vị trí          | -                |              |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh cơ   | ●                |              |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh điện | -                |              |
| Hàng ghế trước có tính năng làm mát  | -                |              |
| Hàng ghế trước có tính năng sưởi     | -                |              |
| Hàng ghế trước có tính năng massage  | -                |              |
| Tính năng cửa hít                    | -                |              |
| Kính cửa sổ chỉnh điện               | ●                | ●            |
| Màn hình đồng hồ đa thông tin        | Analog + Digital | LCD 2.6" SEG |
| HUD screen                           | -                |              |
| Màn hình giải trí trung tâm          | -                |              |
| Kết nối Apple Carplay/Android Auto   | -                |              |
| Hệ thống điều hòa tự động            | Chỉnh cơ         |              |
| Số vùng khí hậu điều hòa             | 1                | 1            |
| Cửa gió cho hàng ghế sau             | -                |              |
| Chìa khóa thông minh                 | ●                |              |
| Khởi động nút bấm                    | ●                |              |
| Remote start                         | -                |              |
| Sound system                         | 4 loa            | 4 loa        |
| Gearshift paddles                    | -                |              |
| Sạc không dây Qi                     | -                |              |
| Phanh đỗ điện tử                     | -                |              |
| Giữ phanh tự động Autohold           | -                |              |
| Đèn trang trí nội thất               | -                |              |
| Rèm che nắng                         | -                |              |
| Móc khóa ghế trẻ em ISOFIX           | ●                |              |

## AN TOÀN:

|                                                 |   |     |
|-------------------------------------------------|---|-----|
| Số túi khí                                      | 2 | 2   |
| Hệ thống chống bó cứng phanh ABS                | ● | ●   |
| Hệ thống phân phối lực phanh EBD                | ● | ●   |
| Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp BA               | ● |     |
| Hệ thống cảnh báo phanh khẩn cấp ESS            | ● |     |
| Hệ thống cân bằng điện tử                       | ● |     |
| Hệ thống kiểm soát lực kéo chống trượt TCS      | ● |     |
| Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc HLA         | ● |     |
| Mã hóa chống sao chép chìa khóa                 | ● | n/a |
| Hệ thống cảnh báo chống trộm                    | ● | n/a |
| Cảm biến hỗ trợ đỗ xe                           | - |     |
| Hệ thống cảnh báo điểm mù                       | - |     |
| Hệ thống cảnh báo phương tiện cắt ngang khi lùi | - |     |
| Hệ thống cảnh báo lệch làn đường                | - |     |

|                                          |   |
|------------------------------------------|---|
| Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường            | - |
| Hệ thống hỗ trợ phanh chủ động           | - |
| Hệ thống điều khiển hành trình           | - |
| Hệ thống điều khiển hành trình thích ứng | - |
| Hệ thống cảnh báo áp suất lốp            | - |
| Camera lùi                               | - |